

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 7 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA-TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tô Mạnh Tiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thiết Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Tiệm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ: Ông Đỗ Tiến Thành– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 9, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu 2, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Chị H, anh H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu Hằng trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn H1 ngày 02/12/2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không ai ép buộc, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị và anh H1 đều làm ăn, sinh sống tại tỉnh Điện Biên đến năm 2012 đã chuyển công tác, sinh sống tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh H1 có nhiều quan điểm bất đồng, không

thống nhất được mọi việc, thường xảy ra cãi nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn lại tình cảm nhưng không đem lại kết quả. Từ cuối năm 2013 cho đến nay, chị và anh H1 đã sống ly thân, anh H1 đã về quê tại xã A, huyện H ở cùng với mẹ đẻ. Chị xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn H1 có 01 con chung là cháu Phạm Đăng Hải Đ, sinh ngày 02/7/2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Phạm Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng và hòa giải nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã triệu tập anh H1 đến lần thứ 2 để anh có mặt tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu H.

Tòa án đã xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương nơi anh H1 cư trú, kết quả như sau: Bà Tô Thị C là mẹ đẻ anh Phạm Văn H1 trình bày: Bà đã biết việc chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H. Anh H hiện có hộ khẩu cùng với hộ khẩu của bà, tại khu 2, xã A chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác. Bà đã nhận thay anh H1 các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt. Sau khi nhận được các văn bản, bà đã liên lạc, thông báo ngay cho anh H1 được biết nội dung. Tuy nhiên, do công việc làm ăn xa nên anh H1 không về Tòa án làm việc được. Về quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh H1 cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã kéo dài, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng không đem lại kết quả, không thể hàn gắn lại tình cảm, vợ chồng chung sống tiếp cũng không có hạnh phúc. Từ năm 2013, anh H1 đã về A chung sống và thường xuyên đi làm ăn. Đến nay, chị H xin ly hôn anh H1, bà tôn trọng ý kiến của anh, chị. Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Phạm Đăng Hải Đ, hiện cháu đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H1 không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử: Chị Đặng Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn H1. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng Hải Đ, sinh ngày 02/7/2009, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí chị H phải chịu 300.000.đ tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn H1, trú tại khu 2, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh H đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện anh H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ chưa chuyển khẩu đến nơi nào khác, anh H có đi làm ăn ngoài địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Mẹ đẻ anh H là bà Tô Thị C đã nhận các văn bản tố tụng thay cho anh H và đã thông báo cho anh H biết được nội dung các văn bản Tòa án đã tổng đạt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để anh H có mặt tại tòa để trình bày ý kiến nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H, bị đơn anh Phạm

Văn H là hoàn toàn phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Văn H đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H1. Lời khai của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi anh H cư trú. Bị đơn là anh H1 đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án cũng như tại phiên tòa để trình bày ý kiến của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh H1 không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Văn H1 có 01 con chung là cháu Phạm Đăng Hải Đ, sinh ngày 02/7/2009. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện cháu Đ đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu cũng đã thể hiện nguyện vọng được ở với chị H, anh H vắng mặt không có ý kiến về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo cho cháu Đ được tiếp tục có điều kiện để ổn định học tập và phát triển, nên giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Cho chị Đặng Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn H.

* Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng Hải Đ, sinh ngày 02/7/2009, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hằng.

Chị H, anh H1 đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

* Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0002661 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (xác nhận đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H và bị đơn anh Phạm Văn H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Tô Mạnh Tiến